

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **KIẾN TRÚC**

Mã ngành: **7580101**

Cần Thơ – 2023

ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo : **KIẾN TRÚC**
Mã số ngành cấp IV : **7580101**
Lĩnh vực : Kiến trúc và Xây dựng
Nhóm ngành : Kiến trúc và quy hoạch
Trình độ đào tạo : Đại học
Tổ hợp xét tuyển : V00 (Toán – Vật Lý – Vẽ Mỹ thuật);
V01 (Toán – Văn – Vẽ Mỹ Thuật);
V02 (Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ Thuật)
V03 (Toán – Hóa – Vẽ Mỹ Thuật)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
DANH MỤC BIỂU BẢNG	vi
DANH MỤC BIỂU HÌNH	vii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vii
PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo.....	1
1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT)	1
PHẦN 2: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	4
2.1. Giới thiệu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo.....	4
2.1.1. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, cả nước và trên thế giới.....	4
2.1.2. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động.....	5
2.1.3. Sự phù hợp với kế hoạch chiến lược đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ	5
2.2. Lý do mở ngành đào tạo	6
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	8
3.1. Chương trình đào tạo	8
3.1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	8
3.1.2. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo (đối sánh chương trình đào tạo)	8
3.1.3 Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	10
3.1.3.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	10
3.1.3.2. Mục tiêu	11
3.1.3.3. Chuẩn đầu ra	11
3.1.3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo	13
3.2. Kế hoạch đào tạo.....	13
3.2.1. Kế hoạch dạy học.....	13
3.2.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	13
3.2.3. Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần.....	14
3.3. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, và bảo đảm chất lượng đào tạo.....	15
3.3.1. Kế hoạch tuyển sinh.....	15
3.3.1.1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh.....	15
3.3.1.2. Quy mô tuyển sinh.....	15
3.3.2. Kế hoạch đào tạo.....	15
3.3.3. Kế hoạch bảo đảm chất lượng đào tạo.....	15
3.3.3.1. Công tác giảng dạy	15
3.3.3.2. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu	16

3.3.3.3. Đội ngũ giảng viên.....	16
3.3.3.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo	16
PHẦN 4: ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	17
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu	17
4.1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình.....	17
4.1.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo	18
4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên	18
PHẦN 5: ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	19
5.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo	19
5.1.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học	19
5.1.2 Thư viện	19
5.1.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo.....	20
5.2 Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất	20
PHẦN 6: ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	22
6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo	22
6.1.1. Trường Bách Khoa	22
6.1.2. Khoa Kỹ thuật xây dựng.....	22
6.2. Cán bộ quản lý cấp trường chuyên môn, khoa	23
6.2.1. Trường Bách Khoa	23
6.2.2. Khoa Kỹ thuật xây dựng.....	24
PHẦN 7: PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỂ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	26
7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh.....	26
7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro	26
7.2.1. Người học bỏ học, trễ tiến độ	26
7.2.2. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác	27
7.2.3. Điều kiện nguồn lực cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời	27
7.2.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực	27
7.2.5. Rủi ro về thị trường lao động.....	28
7.3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	28
PHẦN 8: TỰ ĐÁNH GIÁ.....	29
PHỤ LỤC.....	30

PHỤ LỤC 1: NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐHC T PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN.....	31
PHỤ LỤC 2: HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	32
PHỤ LỤC 3: HỒ SƠ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	33
PHỤ LỤC 4: HỒ SƠ XÁC NHẬN CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NGÀNH ĐÀO TẠO.....	34
PHỤ LỤC 5: HỒ SƠ XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	35

DANH MỤC BIỂU BẢNG

Bảng 3.1 Đối sánh các khối kiến trúc trong chương trình đào tạo giữa các chương trình đào tạo	9
Bảng 3.2 Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kiến trúc	13
Bảng 3.3 Số tín chỉ bố trí theo từng học kỳ trong chương trình đào tạo	13
Bảng 3.4 Cách quy đổi điểm học phần	14
Bảng 3.5 Số lượng tuyển sinh trong 5 năm đầu.....	15
Bảng 4.1 Danh sách giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ Đại học	17
Bảng 5.1 Kế hoạch đầu tư phát triển cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu	20
Bảng 6.1 Danh sách cán bộ quản lý Trường Bách Khoa.....	24
Bảng 6.2 Danh sách cán bộ quản lý Khoa Kỹ thuật Xây dựng	25

DANH MỤC BIỂU HÌNH

Hình 6.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức trường Bách Khoa	23
--	----

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa của từ viết tắt
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
KTXD	Kỹ thuật Xây dựng
PTN	Phòng thí nghiệm
PGS	Phó giáo sư
GDQP&AN	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
HĐT	Hội đồng trường
HĐKHĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
TS	Tiến sĩ

PHẦN 1

GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

Ngành đào tạo	: Kiến trúc
Mã số ngành cấp IV	: 7580101
Lĩnh vực	: Kiến trúc và Xây dựng
Nhóm ngành	: Kiến trúc và quy hoạch
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tổ hợp xét tuyển:	V00 (Toán – Vật Lý – Vẽ Mỹ thuật); V01 (Toán – Văn – Vẽ Mỹ Thuật); V02 (Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ Thuật); V03 (Toán – Hóa – Vẽ Mỹ Thuật)

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 170 tín chỉ

Thời gian đào tạo : 5,0 năm (tối đa là 10 năm)

Danh hiệu : Kiến trúc sư

Năm bắt đầu tuyển sinh : 2023

Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm/5 năm: 65 chỉ tiêu

Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa

1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT)

Nằm giữa trung tâm của thành phố Cần Thơ (CT) và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) được thành lập năm 1966 với tên gọi là Viện Đại học Cần Thơ. Đến năm 1975, Trường được đổi tên thành Trường ĐHTC, với các nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống và dân trí cho vùng ĐBSCL.

Trường đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và cam kết chính sách chất lượng.

- **Tầm nhìn:** Trường ĐHTC là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững.

- **Sứ mệnh:** Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội bền vững.

- **Giá trị cốt lõi:** Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

- **Triết lý giáo dục:** Cộng đồng – Toàn diện – Ưu việt

- **Mục tiêu giáo dục:** Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

- **Chính sách chất lượng:** Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHTC cam kết bảo đảm chất lượng

thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản trị của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa – khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực. Tầm nhìn chiến lược phát triển đến năm 2030 đã xác định Trường ĐHCT là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Hiện tại, Trường ĐHCT có 5 trường, 10 Khoa, 17 Trung tâm, 14 phòng ban, 3 Viện, 01 Công ty và Trường THPT Thực hành Sư phạm. Trường đang đào tạo 117 chương trình đào tạo trình độ đại học (trong đó có 2 chương trình đào tạo tiên tiến, 11 chương trình đào tạo chất lượng cao), 51 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (trong đó có 01 ngành đào tạo liên kết nước ngoài và 03 ngành đào tạo bằng tiếng Anh) và 21 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trường hiện có 1.845 công chức, viên chức, trong đó đội ngũ cán bộ cơ hữu của Trường khá mạnh gồm 1.095 giảng viên, trong đó có 18 giáo sư, 163 phó giáo sư, tổng số cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ là 400 và thạc sĩ là 500 với năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cao, bảo đảm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.. Quy mô đào tạo năm 2022 của Trường gồm 46.490 người, trong đó có 43.617 SV (35.593 SV chính quy, 3.759 SV vừa làm vừa học và 4.319 SV đào tạo từ xa), 2.610 học viên thạc sĩ và 263 nghiên cứu sinh đang theo học các CTĐT.

Trường ĐHCT đã tích cực trong hoạt động khoa học và công nghệ (NCKH) và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội. Trường đã và đang trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín của vùng, quốc gia và quốc tế. Trường luôn được xếp thứ hạng cao trong các trường đại học ở Việt Nam. Theo kết quả xếp hạng lĩnh vực của QS, với nhóm ngành Nông - Lâm nghiệp và được xếp trong nhóm hạng 301-350 của các trường đại học thế giới và đứng đầu trong số các cơ sở giáo dục trong nước. Đặc biệt, Trường đã sớm tạo được mối quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngoài ra, từ những kết quả của các công trình NCKH và hợp tác quốc tế, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trong nước và quốc tế.

Sự thành công của Trường ĐHCT có sự đóng góp rất lớn từ mối quan hệ hợp tác trong đào tạo sinh viên và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường

đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Ngày nay, Trường ĐHCT đang phát huy năng lực đào tạo sau đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đào tạo nguồn nhân lực sau đại học chất lượng cao để phục vụ ngày càng hiệu quả cho sự phát triển chung của đất nước.

Thông tin đào tạo của Trường:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ
- Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3832663; Fax: (0292) 3838474; Email: dhct@ctu.edu.vn
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ctu.edu.vn/>
- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh sau đại học: <https://gs.ctu.edu.vn/>

PHẦN 2

SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Giới thiệu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo

2.1.1. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, cả nước và trên thế giới

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 1246/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Theo đó, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Kiến trúc được nêu cụ thể:

“Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động kiến trúc; chú trọng đào tạo đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, kiến trúc sư công tác ở những vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.”

“Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển hệ thống lý luận phê bình, khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc để xây dựng đội ngũ kiến trúc sư có đủ đức, đủ tài, có bản lĩnh nghề nghiệp; đổi mới công tác quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực kiến trúc, đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế; hoàn thiện quy hoạch và đầu tư hệ thống các cơ sở đào tạo kiến trúc công lập đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trong lĩnh vực kiến trúc giai đoạn mới.”

Quyết định 1246/QĐ-TTg cũng nêu các nhiệm vụ chủ yếu triển khai phát triển kiến trúc Việt Nam cho các cơ sở đào tạo về kiến trúc: *“Chương trình đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ trong các trường, cơ sở đào tạo về kiến trúc.”*; *“Đề án đào tạo, đổi mới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kiến trúc sư theo xu hướng hội nhập quốc tế”*

Theo thống kê của Trung tâm Dự báo nguồn nhân lực phía Nam, nhu cầu nhân lực ngành Kiến trúc luôn cao. Kiến trúc sư được dự đoán là 1 trong 8 nhóm ngành thu hút nhiều lao động nhất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh, và các vùng phụ cận. Trong đó nhóm Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường – Cấp thoát nước hiện đang là một trong những ngành nghề thiếu hụt về nhân lực lao động. Do đó, ngành Kiến trúc là một trong những ngành được quan tâm lựa chọn hàng đầu hiện nay. Sự chênh lệch giữa cung – cầu vẫn diễn ra khi mà chất lượng, số lượng, cơ cấu đào tạo chưa cân đối và số lượng nguồn cung lao động chưa đáp ứng được với nhu cầu tuyển dụng lao động.

Ngoài ra, các thị trường lao động tại Nhật Bản, Trung Đông và kể cả Châu Âu cũng đang tìm kiếm nhân lực kiến trúc, đặc biệt là đội ngũ nhân lực lao động trực tiếp, cán bộ kỹ thuật, người lao động có tay nghề cao. Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) cũng đã ký kết hợp tác với Bộ Xây dựng Việt Nam và nhằm xúc tiến chương trình tiếp nhận nhân lực xây dựng Việt Nam sang làm việc tại Nhật Bản, phục vụ nhu cầu tái thiết miền đông Nhật Bản sau trận động đất và sóng thần năm 2011. Nhật Bản đã thành lập cơ quan chuyên trách để xúc tiến việc tiếp nhận nhân lực lao động nước ngoài trong chương trình “đáp ứng nhu cầu khẩn cấp về cung ứng lao động nước ngoài làm việc tại Nhật Bản”.

Đặc biệt trong xu thế hội nhập như hiện nay, Việt Nam đã đang và sẽ liên tục gia nhập các cộng đồng kinh tế, các hiệp hội, ký kết các hiệp định quốc tế; trong

đó lấy ví dụ điển hình là Cộng đồng kinh tế ASEAN. Sự kiện này đem đến cả cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp và người lao động Việt Nam nói chung và trong nhóm các lĩnh vực nghề nghiệp được ưu tiên lựa chọn nói riêng, trong đó có kiến trúc sư.

Trong thời đại công nghệ 4.0 là cơ hội để kiến trúc Việt Nam bắt nhịp với kiến trúc thế giới vì chúng ta có truyền thống và phẩm chất ham học, tiếp thu cái mới và sáng tạo để nhanh chóng trở thành những con người sáng tạo, điều khiển công nghệ, phục vụ phát triển kiến trúc Việt Nam. Kiến trúc không chỉ tạo cơ sở vật chất, góp phần cải thiện diện mạo của đất nước, điều kiện sống của nhân dân ở thành thị và nông thôn, mà quan trọng hơn là góp phần xây dựng, đổi mới nếp sống, lối sống và môi trường sống của nhân dân. Hiện nay, nhu cầu thiết kế kiến trúc cho các dự án khu đô thị và khu dân cư đang có xu hướng gia tăng.

2.1.2. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động

Vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2030, nhu cầu nhân lực 500.000 người/năm và vùng Tây Nguyên giai đoạn 2020-2030, nhu cầu nhân lực 200.000 người/năm. Từ năm 2020 đến giai đoạn 2025-2030, nhu cầu nhân lực cần qua đào tạo bình quân chiếm 85%. Đại dịch Covid-19 kéo theo nhiều khó khăn cho các ngành nghề, trong đó ngành kiến trúc, xây dựng chịu ảnh hưởng rất lớn. Nhiều công trình bị đình trệ do bị đứt gãy nguồn nguyên liệu, vật tư, nhân lực đã ảnh hưởng trực diện đến sự tăng trưởng, phát triển của ngành. Để phục hồi và phát triển, đáp ứng nhu cầu xây dựng của Việt Nam ngày càng cao cần một lực lượng lao động rất lớn. Dự báo nhu cầu nhân lực của ngành xây dựng sẽ tăng thêm khoảng 400.000 - 500.000 lao động mỗi năm. Số lượng lao động làm việc trong ngành xây dựng vào năm 2030 có thể đạt tới con số khoảng 12 - 13 triệu người. Nhân lực của ngành vật liệu xây dựng dự kiến cũng sẽ tăng lên gần 3 triệu người. (Nguồn: <https://nld.com.vn/>)

Trong bối cảnh kiến thức về công nghệ thay đổi rất nhanh, việc trang bị cách thức tự học và ý thức học tập suốt đời càng quan trọng hơn kiến thức của chương trình đào tạo. Dự báo 9 nhóm ngành nghề cần nhiều nhu cầu nhân lực gồm: (1) Khoa học máy tính, công nghệ thông tin – kỹ thuật phần mềm – an toàn thông tin, truyền thông đa phương tiện; (2) Công nghệ cơ khí – tự động hóa, điện – điện tử; (3) Công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học – hóa, công nghệ nông – lâm – ngư; (4) Kiến trúc, xây dựng, môi trường, khoa học vật liệu, thiết kế, mỹ thuật ứng dụng; (5) Kinh tế – thương mại, quản trị kinh doanh, marketing, tài chính; (6) Du lịch và lễ hành, dịch vụ nhà hàng – khách sạn; (7) Khoa học xã hội – luật – quản trị nhân sự và ngôn ngữ; (8) Y, dược, chăm sóc sức khỏe – chăm sóc sắc đẹp; (9) Sư phạm kỹ thuật, sư phạm giáo dục, tâm lý – xã hội. (Nguồn: <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/>)

Thực tế cũng cho thấy chất lượng nguồn nhân lực ngành xây dựng - kiến trúc của Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Điều này đặt ra nhiệm vụ cấp thiết là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để tăng sức cạnh tranh, phát triển năng lực của ngành trong thời gian tới.

2.1.3. Sự phù hợp với kế hoạch chiến lược đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ

Chiến lược phát triển Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030¹ đã xác định chiến lược đào tạo của Trường là “Trường Đại học Cần Thơ xác định chiến lược đào tạo đa ngành và đa lĩnh vực đạt chuẩn quốc gia và quốc tế, đa dạng hình thức và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của người học và thị trường lao động, với chuẩn mực giảng dạy có tính cạnh tranh quốc tế.”. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược đào tạo, Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ đã thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030. Ngành Kiến trúc trình độ đại học là một trong những ngành nằm trong kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14/01/2022.

2.2. Lý do mở ngành đào tạo

Kết quả khảo sát về sự cần thiết đào tạo ngành Kiến trúc ở Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy có 36,4% đánh giá ở mức cần thiết rất cao; 60,6% đánh giá ở mức cần thiết cao; 3% đánh giá ở mức cần thiết trung bình; và không có đánh giá nào ở mức cần thiết thấp.

Về sự cần thiết đào tạo ngành Kiến trúc ở Trường Đại học Cần Thơ, có 48,5% đánh giá ở mức cần thiết rất cao; 39,4% đánh giá ở mức cần thiết cao; 9,1% đánh giá ở mức cần thiết trung bình; và 3% có đánh giá nào ở mức cần thiết thấp.

Kết quả trên cho thấy, phần lớn những người được hỏi đánh giá rất cao Trường Đại học Cần Thơ trong việc mở ngành đào tạo Kiến trúc xuất phát từ truyền thống của Nhà trường, đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất, các ngành đào tạo đã có và đây cũng là trách nhiệm của Trường đối với xã hội.

Cơ hội việc làm của sinh viên (SV) sau khi ra trường có thể coi là tiêu chí quan trọng nhất để SV lựa chọn ngành học và các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo. Theo Trung tâm Dự báo nguồn nhân lực và Thông tin thị trường lao động, nhu cầu nhân lực ngành Kiến trúc luôn cao. Giai đoạn 2020-2025, kiến trúc được dự đoán là 1 trong 8 nhóm ngành thu hút nhiều lao động nhất. Do vậy, cơ hội việc làm của SV học ngành kiến trúc hiện nay và thời gian tới sẽ rất nhiều.

Đánh giá của các cơ quan, doanh nghiệp về cơ hội việc làm của SV ngành Kiến trúc rất cao. Cụ thể, có 45,5% cho rằng cơ hội việc làm rất nhiều; 48,5% cho rằng cơ hội việc làm nhiều; 6,1% cho rằng cơ hội việc làm trung bình; và không có cơ quan, doanh nghiệp nào đánh giá là cơ hội việc làm ít. Cũng theo kết quả khảo sát, 97% đánh giá nhu cầu thị trường lao động trong 1-3 năm tới sẽ tăng cao. Bên cạnh đó, có 90,1% số cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng ngành Kiến trúc; chỉ 9,1% là không có nhu cầu.

Khi được hỏi rằng về mức độ ưu tiên tuyển dụng người học tốt nghiệp ngành Kiến trúc ở Trường Đại học Cần Thơ so với các Trường khác, 93,8% cơ quan, doanh nghiệp cho rằng họ sẽ cân nhắc tuyển dụng người học tốt nghiệp ngành Kiến trúc của Trường Đại học Cần Thơ. Bên cạnh đó, 66,7% đánh giá cơ hội việc làm của người học tốt nghiệp đại học ngành Kiến trúc của Trường Đại học Cần Thơ ở mức cao so với các Trường khác; 30,3% đánh giá ở mức trung bình.

Từ phân tích tình hình thực tế nêu trên, việc mở ngành đào tạo Kiến trúc trình độ Đại học tại Trường Đại học Cần Thơ là hết sức cần thiết, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực kiến trúc để đáp ứng yêu cầu ngày càng

cao nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng theo xu thế hội nhập ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

3.1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Giải pháp và lộ trình thực hiện đề án mở ngành cũng như chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được thực hiện căn cứ theo những quy định hiện hành. Các căn cứ pháp lý để xây dựng đề án mở ngành và chương trình đào tạo:

- Luật Giáo dục đại học số 43/2019/QH14 Quốc hội ban hành ngày 14/6/2019;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ;

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

- Quyết định số 1813/QĐ-ĐHCT ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học hệ chính quy.

3.1.2. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo (đối sánh chương trình đào tạo)

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Hội đồng xây dựng CTĐT đã tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học ở trong và ngoài nước, cụ thể:

+ Trong nước:

Trường Đại học Kiến trúc TP HCM: Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc; tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 150 tín chỉ với thời gian đào tạo 5 năm trong đó: Kiến thức Giáo dục đại cương 17 tín chỉ; Kiến thức cơ sở ngành 63 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 70 tín chỉ (Không bao gồm số tín chỉ trong Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP&AN), Anh văn căn bản và Tin học căn bản) (<http://uah.edu.vn/router/kien-truc-366.html>)

Trường Đại học Văn Lang: Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc Khóa 27A; tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 170 tín chỉ với thời gian đào tạo 5 năm trong đó: Kiến thức Giáo dục đại cương 44 tín chỉ; Kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 68 tín chỉ (Không bao gồm số tín chỉ trong Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh) (<https://www.vlu.edu.vn/academics/majors/kien-truc>)

Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng: Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc; tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 160 tín chỉ với thời gian đào tạo 5 năm trong đó: Kiến thức Giáo dục đại cương 28 tín chỉ; Kiến thức cơ sở ngành 62 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 70 tín chỉ (Không bao gồm số tín chỉ trong Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Tin học căn bản) (<https://dut.udn.vn/KhoaKientruc/Gioithieu/id/2326>)

Bảng 3.1 Đối sánh các khối kiến trúc trong chương trình đào tạo giữa các chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Kiến trúc TPHCM	Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Kiến thức đại cương (tín chỉ)	43	17	44	28
Kiến thức cơ sở ngành (tín chỉ)	55	63	58	62
Kiến thức chuyên ngành (tín chỉ)	72	70	68	70
Tổng	170	150	170	160

Đối sánh số lượng tín chỉ của chương trình Kiến trúc của Trường Đại học Cần Thơ và các trường Đại học khác của Việt Nam không có sự khác biệt lớn vì theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT thì tổng thời lượng cho chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là 150 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Quốc phòng An ninh). Trong đó, các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình ngành Kiến trúc của các Trường không có khác biệt lớn về số tín chỉ. Học phần Luận văn tốt nghiệp của ngành Kiến trúc trường Đại học Cần Thơ chiếm 15 tín chỉ, cao hơn các trường khác vì có tích hợp các kiến thức nghiên cứu chuyên sâu cho từng thể loại công trình cụ thể mà SV lựa chọn thực hiện trong luận văn tốt nghiệp.

+ Ngoài nước:

Delft University of Technology (Hà Lan): Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc; tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 270 tín chỉ với thời gian đào tạo 5 năm trong đó: Kiến thức cơ sở ngành 85 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 185 tín chỉ. (Không bao gồm khối kiến thức đại cương). (<https://www.tudelft.nl/en/education/programmes/bachelors/bk/bachelor-of-architecture-urbanism-and-building-sciences/curriculum>)

Berlin International University of Applied science (Đức): Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc; tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 251 tín chỉ với thời gian đào tạo 5 năm trong đó: Kiến thức cơ sở ngành 94 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 157 tín chỉ. (Không bao gồm khối kiến thức đại cương). (<https://www.berlin-international.de/media/uploads/2022/03/09/bi-architecture-ba-studyplansStC8I97.pdf>)

Chương trình của **Delft University of Technology** và **Berlin International University of Applied science** có sự chênh lệch lớn về số lượng tín chỉ trong mỗi học phần theo định hướng học tập kết hợp với nghiên cứu khoa học chuyên sâu. Tuy nhiên, về số lượng các học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tương đối ngang nhau.

Việc đối sánh chương trình đào tạo ngành kiến trúc của trường Đại học Cần Thơ với các trường trong nước và quốc tế cho thấy Đại học Cần Thơ đã tiếp thu, cải tiến trong danh mục các học phần chuyên ngành nhằm tăng chất lượng của

chương trình và trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để SV có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của công việc.

3.1.3 Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

3.1.3.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kiến trúc
Tên chương trình (tiếng Anh)	Architecture
Mã số ngành đào tạo	7580101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Kiến trúc sư
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	170 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Là kiến trúc sư trong các tổ chức tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công kiến trúc - xây dựng. - Là nghiên cứu viên trong các trường đại học và các viện nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành kiến trúc - xây dựng. - Tham gia giảng dạy trong các cơ sở có liên quan đến chuyên ngành kiến trúc xây dựng (là giảng viên, giáo viên, trợ giảng) - Là chuyên viên trong các cơ quan quản lý liên quan đến lĩnh vực kiến trúc- xây dựng. - Hành nghề độc lập về thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập nâng cao trình độ sau đại học trong và ngoài nước. - Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực Kiến trúc - Xây dựng và/hoặc có các sáng kiến, kết quả nghiên cứu nổi bật, đạt giải.

Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành Kiến trúc được xây dựng theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo Đại học chuyên ngành Kiến trúc của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Kiến trúc TPHCM, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Văn Lang, và các trường Đại học nước ngoài như: Delft University of Technology (Hà Lan), Berlin International University of Applied Sciences (Đức).
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.

3.1.3.2. Mục tiêu

Mục tiêu đào tạo chung:

Đào tạo kiến trúc sư có năng lực chuyên môn tốt, kỹ năng nghề nghiệp thành thạo; Có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Có năng lực học tập, làm việc thích ứng với sự thay đổi và phát triển kinh tế - xã hội; Có sức khỏe tốt để đáp ứng nhu cầu lao động trình độ cao cho thị trường lao động khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong nước và quốc tế.

Mục tiêu đào tạo cụ thể:

a. Đào tạo người học nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, lý luận chính trị, xã hội, kiến thức quốc phòng an ninh, kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản, kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, và có sức khỏe bảo đảm học tập và làm việc.

b. Đào tạo người học có kiến thức căn bản về cơ sở ngành thuộc các lĩnh vực kiến trúc, nghệ thuật, văn hóa và xã hội v.v... có liên quan đến hoạt động ngành nghề kiến trúc; có kiến thức căn bản về mỹ thuật, kỹ thuật xây dựng, công nghệ và vật liệu, vật lý kiến trúc và môi trường có liên quan đến thiết kế kiến trúc.

c. Đào tạo người học có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế nội ngoại thất công trình bảo đảm hoạt động nghề nghiệp.

d. Đào tạo người học có hiểu biết nhất định về các văn bản pháp luật về xây dựng và kiến trúc, có khả năng tham gia trong quá trình tư vấn thiết kế, lập và quản lý dự án, cấp phép xây dựng và các công việc có liên quan đến chuyên ngành kiến trúc.

e. Đào tạo người học có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin; nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc; Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, làm việc nhóm và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc.

f. Đào tạo người học có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội, ý thức công dân; có ý chí phấn đấu, chủ động, sáng tạo; Có ý thức học tập suốt đời, có khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường thay đổi và toàn cầu hóa.

3.1.3.3. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

➤ **Kiến thức**

+ **Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Vận dụng được những kiến thức về khoa học chính trị, xã hội học, văn hóa, pháp luật, đạo đức, rèn luyện thể chất và an ninh quốc phòng.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức toán học và công nghệ thông tin, ngoại ngữ nhằm tiếp thu các kiến thức thuộc lĩnh vực kỹ thuật.

c. Vận dụng kiến thức đã có để tiếp cận và trang bị thêm kiến thức về các vấn đề đương đại đáp ứng yêu cầu công việc, học tập và giao tiếp xã hội.

+ **Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Vận dụng những kiến thức cơ bản về các nguyên lý trong thiết kế kiến trúc và xây dựng, lịch sử phát triển kiến trúc, lý luận và quy luật của kiến trúc để thể hiện phương án thiết kế.

b. Vận dụng kiến thức về mỹ thuật, vẽ kỹ thuật cơ sở kết hợp tin học ứng dụng để phát triển ý tưởng, khả năng tư duy sáng tạo trong việc thiết kế và thể hiện phương án thiết kế kiến trúc.

+ **Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Vận dụng phù hợp, sáng tạo kiến thức chuyên ngành kiến trúc và các lĩnh vực liên quan như quy hoạch, văn hóa, cảnh quan, nội thất, xây dựng, kỹ thuật hạ tầng đô thị vào thiết kế kiến trúc.

b. Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên sâu về kiến trúc, thị hiếu thẩm mỹ và tiêu chí kiến trúc vào thiết kế ý tưởng, thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật công trình kiến trúc.

c. Vận dụng kiến thức pháp luật về xây dựng và kiến trúc trong việc lập kế hoạch, giám sát, quản lý để tham gia lập kế hoạch thực hiện dự án/đồ án, giám sát tác giả thiết kế và quản lý điều hành hoạt động thiết kế kiến trúc.

➤ **Kỹ năng**

+ **Kỹ năng cứng**

a. Sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các dụng cụ vẽ, các phần mềm tin học văn phòng và tin học ứng dụng trong thiết kế kiến trúc.

b. Thực hiện tốt các khâu trong quy trình thiết kế các đồ án kiến trúc; tham gia thiết kế các thể loại công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp; tham gia tư vấn, lập, thẩm định và giám sát thực hiện dự án xây dựng các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp.

+ **Kỹ năng mềm**

a. Tổng hợp, phân tích, đánh giá, phản biện, trình bày, thuyết trình và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong nghiên cứu khoa học, các dự án chuyên ngành và liên ngành.

b. Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, thích ứng cao để sáng tác kiến trúc có chiều sâu, đáp ứng nhiều nhu cầu để phù hợp với những thay đổi và phát triển chung của xã hội.

c. Giao tiếp, học tập, nghiên cứu hiệu quả bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

➤ **Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân**

a. Hình thành năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ; Thể hiện sự chủ động sáng tạo, trách nhiệm, tinh thần khởi nghiệp và sự sẵn sàng chấp nhận thử thách, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

b. Cho thấy ý thức rèn luyện sức khỏe; Thể hiện thái độ đúng mực trong ứng xử, thể hiện phẩm chất đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

3.1.3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng khối lượng toàn khóa là 170 tín chỉ, bảo đảm tổng thời lượng cho chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 theo quy định tối thiểu 150 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Quốc phòng An ninh).

Bảng 3.2 Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kiến trúc

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	43	25
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	55	32
3	Khối kiến thức chuyên ngành	72	43
Tổng số		170	100%

Chương trình đào tạo ngành kiến trúc trình độ đại học được ban hành tại Quyết định số 801/QĐ-ĐHCT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ (**Phụ lục 3.11**), chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được đính kèm cùng quyết định.

3.2. Kế hoạch đào tạo

3.2.1. Kế hoạch dạy học

Ngành Kiến trúc được đào tạo với thời lượng 5 năm (tối đa 10 năm), thực hiện trong 10 học kỳ với tổng khối lượng toàn khóa 170 tín chỉ, được bố trí kế hoạch dạy học theo số tín chỉ như sau:

Bảng 3.3 Số tín chỉ bố trí theo từng học kỳ trong chương trình đào tạo

TT	Học kỳ	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Học kỳ 1	12	7,1
2	Học kỳ 2	22	12,9
3	Học kỳ 3	19	11,2
4	Học kỳ 4	19	11,2
5	Học kỳ 5	18	10,6
6	Học kỳ 6	17	10,0
7	Học kỳ 7	16	9,4
8	Học kỳ 8	17	10,0
9	Học kỳ 9	15	8,8
10	Học kỳ 10	15	8,8
Tổng số		170	100%

Chương trình dạy học theo từng học kỳ cho chương trình đào tạo ngành Kiến trúc bảo đảm tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân. Kế hoạch dạy học được trình bày chi tiết ở **Phụ lục 3.12**.

3.2.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Sinh viên phải xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Kế hoạch học tập toàn khóa phải được cố vấn học tập duyệt. Kế hoạch học tập toàn khóa là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi HK. SV có thể thay đổi Kế hoạch học tập toàn khóa trong quá trình học nhưng phải có ý kiến của cố vấn học tập.

- Đầu mỗi học kỳ, Trường thông báo cho SV những học phần sẽ giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng. SV dựa vào Kế hoạch học tập toàn khóa và thời khóa biểu các học phần giảng dạy trong học kỳ do Trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung. Sau tuần lễ

thứ 2 của học kỳ, SV vào hệ thống quản lý trực tuyến để in “Kết quả đăng ký học phần”.

- Mỗi năm học được tổ chức thành 3 học kỳ:

+ Học kỳ I và học kỳ II là các học kỳ chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và thi những học phần lẻ, 2 tuần thi học phần chung, 1 tuần xử lý kết quả và 1 tuần nghỉ giữa hai học kỳ. Học kỳ 1 bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, học kỳ 2 bắt đầu vào đầu tháng 1 đến cuối tháng 5.

- Học kỳ III là học kỳ phụ kéo dài 8 tuần; trong đó gồm 5 tuần học, 3 tuần thi và xử lý kết quả. Học kỳ III bắt đầu vào giữa tháng 5 đến cuối tháng 6. Học kỳ III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học học kỳ III. Kết quả học tập của học kỳ III không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật SV.

- Để bảo đảm tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và bảo đảm chất lượng học tập, mỗi học kỳ SV đăng ký với số lượng tín chỉ như sau:

+ Học kỳ chính: SV được đăng ký tối đa 25 tín chỉ/ học kỳ. Đối với học kỳ đầu tiên, SV không phải đăng ký học phần. Các học phần của học kỳ này sẽ do Trường bố trí.

+ Học kỳ phụ: SV đăng ký tối đa 8 tín chỉ/học kỳ. Trường không bắt buộc SV phải học học kỳ này.

Tùy năng lực học tập và điều kiện cá nhân, SV nên đăng ký học với số tín chỉ phù hợp để đạt kết quả học tập tốt.

3.2.3. Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Bảng 3.4 Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Học phần chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 để tính Điểm trung bình chung học kỳ và Điểm trung bình chung tích lũy.

Các điểm học phần khác:

+ Điểm M: Dùng để xác nhận học phần SV được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Số tín chỉ của học phần có điểm M được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy. Để nhận điểm M, SV phải làm đơn có ý

kiến của cố vấn học tập và trường khoa xem xét theo từng học kỳ, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

+ Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (*SV đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn, ... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được CBGD phụ trách học phần chấp thuận cho bổ sung điểm*). Điểm I không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ ở học kỳ đó. Để nhận được điểm I, SV phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho giảng viên giảng dạy học phần xem xét và trình trưởng khoa duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do giảng viên quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu SV không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

+ Điểm W: Dành cho các học phần mà SV được phép rút theo quy định. Điểm W không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

3.3. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, và bảo đảm chất lượng đào tạo

3.3.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.3.1.1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điều kiện tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và bảo đảm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Cần Thơ.

Yêu cầu đối với SV tốt nghiệp phải có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; DTBCTL của các học phần đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);

- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần GDQP&AN phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10)

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

3.3.1.2. Quy mô tuyển sinh

Trường Đại học Cần Thơ thực hiện tuyển sinh trong 5 năm đầu với chỉ tiêu như sau:

Bảng 3.5 Số lượng tuyển sinh trong 5 năm đầu

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Chỉ tiêu dự kiến	65	75	85	100	100

3.3.2. Kế hoạch đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa là 5 năm (tối đa 10 năm). Khung kế hoạch đào tạo từng năm, kì theo chương trình chuẩn được trình bày ở **Phụ lục 3.11**. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện khung kế hoạch đào tạo được trình bày ở **Phụ lục 4.1**.

3.3.3. Kế hoạch bảo đảm chất lượng đào tạo

3.3.3.1. Công tác giảng dạy

Để bảo đảm chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học đã sử dụng các phương pháp giảng dạy như: Phương pháp diễn giảng; Phương pháp học qua tình huống/giải quyết vấn đề (Problem based learning);

Phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study); Phương pháp học qua dự án (Project based learning) và Phương pháp dạy học thông qua thực hành, quan sát. Trong đó, các phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong hầu hết các học phần, đặc biệt là các học phần đồ án, giúp SV học tập chủ động để đạt được mục tiêu môn học và chương trình đào tạo cũng như đáp ứng được các yêu cầu của xã hội.

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những khâu quan trọng của việc bảo đảm chất lượng đào tạo. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp góp phần đo lường được chuẩn đầu ra của học phần cũng như xác định mức độ chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy – học. Các phương pháp đánh giá được sử dụng như: Trắc nghiệm/Tự luận/ kiểm tra ngắn/y kiến thảo luận nhóm; Bài báo cáo/Bài thuyết trình; Bài thực hành/BT cá nhân/BT nhóm/Bản vẽ; Kiểm tra thực hành/Vấn đáp; Báo cáo luận văn/tiểu luận tốt nghiệp. Trong đó, phương pháp kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/ kiểm tra ngắn/y kiến thảo luận nhóm và thực hiện bài báo cáo/bài thuyết trình được sử dụng trong hầu hết trong các học phần lý thuyết; phương pháp thực hiện bài thực hành/BT cá nhân/BT nhóm/Bản vẽ được sử dụng trong tất cả các học phần đồ án.

Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường Đại học Cần Thơ theo hướng đại học thông minh đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025, ít nhất 20% số học phần áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến, đánh giá trắc nghiệm khách quan trên máy tính.

Trong giai đoạn dịch bệnh, Trường ĐHTC đã tổ chức đào tạo trực tuyến, đã xây dựng các bài giảng, học liệu dạy học trực tuyến cho người học và có hệ thống giảng dạy trực tuyến e-learning (<https://elearning.ctu.edu.vn/>; <https://testing.ctu.edu.vn/>).

Trường ĐHTC đã ban hành quy định đào tạo trực tuyến theo quyết định số 25/QĐ-ĐHTC ngày 10 tháng 01 năm 2022 là cơ sở cho việc tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến của Trường.

3.3.3.2. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất hiện nay của Trường Đại học Cần Thơ cơ bản đã đáp ứng đủ nguồn lực để đào tạo. Trong những năm tới, Trường sẽ đầu tư thêm các phòng thực hành: phòng thực hành mỹ thuật, phòng thí nghiệm vật lý kiến trúc, không gian sáng tạo kiến trúc, phòng thực tế ảo, để phục vụ cho việc đào tạo ngành kiến trúc.

Trung tâm học liệu của Trường Đại học Cần Thơ sẽ dành khoản kinh phí để mua các tài liệu học tập, mua các cơ sở dữ liệu,...cho ngành kiến trúc nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và truy cứu tài liệu cho SV có nhu cầu.

3.3.3.3. Đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng cán bộ của Khoa và Trường đáp ứng hơn 70% khối lượng giảng dạy về chuyên môn của chương trình đào tạo và tiếp tục tuyển dụng cán bộ có chuyên môn phù hợp để phục vụ cho chương trình đào tạo.

3.3.3.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo

Sau khi có SV tốt nghiệp khóa đầu tiên, Trường Đại học Cần Thơ sẽ tiến hành kiểm định chương trình đào tạo ngành Kiến trúc theo quy định. Khoa Kỹ thuật Xây dựng thực hiện theo kế hoạch bảo đảm chất lượng bên trong của Trường Bách khoa từ ngày xây dựng Đề án mở ngành và liên tục trong quá trình đào tạo theo Chuẩn Chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

PHẦN 4

ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu

4.1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Trên cơ sở đội ngũ giảng viên hiện có của Trường Đại học Cần Thơ và các điều kiện cụ thể để mở ngành đào tạo được quy định tại Điều 4, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”, Trường Đại học Cần Thơ đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ Đại học.

Bảng 4.1 Danh sách giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ Đại học

TT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ	Ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tâm		Tiến sĩ	Kiến trúc	Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác.
2	Bùi Lê Anh Tuấn	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình
3	Nguyễn Hữu Kiệt		Tiến sĩ	Quy hoạch không gian	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình
4	Trương Chí Quang		Tiến sĩ	Mô hình hóa hệ thống phức	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình
5	Nguyễn Hiếu Trung	PGS	Tiến sĩ	Môi trường và Quản lý tài nguyên	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình
6	Võ Quốc Tuấn	PGS	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình

TT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ	Ngành	Ghi chú
7	Nguyễn Thị Thu Hà		Tiến sĩ	Quản lý xây dựng	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình

4.1.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

Trường Đại học Cần Thơ có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng) tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Kiến trúc. Đội ngũ giảng viên của Trường hiện nay bảo đảm đủ thực hiện chương trình đào tạo cho 02 năm học đầu và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm.

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Kiến trúc được trình bày ở mẫu 1 và 2 trong **Phụ lục 4.1** và **Phụ lục 4.2**

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được trình bày ở mẫu 2 **Phụ lục 4.1**.

Thông tin về năng lực nghiên cứu khoa học, xuất bản thông qua các đề tài nghiên cứu đã thực hiện và các công trình khoa học của giảng viên thực hiện chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được thể hiện ở mẫu 4 và 5 trong **Phụ lục 4.1**, **Phụ lục 4.3** và **Phụ lục 4.4**.

4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Trường Bách Khoa đã khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên học tập nâng cao trình độ. Cụ thể, các giảng viên cơ hữu của ngành đều là nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Trong năm 2023, Trường Bách Khoa tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến khích các giảng viên trình độ thạc sĩ học nghiên cứu sinh để tăng cường lực lượng tiến sĩ trong Trường, đồng thời đáp ứng quy mô, chất lượng giảng dạy của ngành Kiến trúc.

Ngoài ra, Trường Bách Khoa cũng ưu tiên tuyển dụng giảng viên đúng chuyên ngành. Trong thời gian tới, Trường tiếp tục tuyển dụng thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành, có nghiên cứu sâu về Kiến trúc để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kiến trúc. Kế hoạch dự kiến phát triển đội ngũ giảng viên:

Năm học		2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Số lượng GV(*)	Thạc sĩ	13	16	18	20	22
	Tiến sĩ	6	6	6	7	7
	Tổng	19	22	24	27	29

(*) Số lượng giảng viên được tính là giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, chưa tính giảng viên dạy các học phần đại cương của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc.

PHẦN 5

ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành đào tạo

Xác định tầm quan trọng của học đi đôi với hành, để nâng cao chất lượng đào tạo cho người học, trong những năm qua, bên cạnh sự đầu tư lớn từ nguồn ngân sách, Khoa Kỹ thuật Xây dựng đã luôn được sự quan tâm của Ban giám hiệu Trường Bách Khoa và Trường Đại học Cần Thơ trong việc đầu tư cơ sở vật chất thực hành thực tập đáp ứng được vị trí công việc sau khi người học tốt nghiệp. Ngoài cơ sở vật chất hiện có của Khoa Kỹ thuật Xây dựng phục vụ đào tạo ngành Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật Xây dựng còn có thể sử dụng cơ sở vật chất chung của Trường Đại học Cần Thơ phục vụ cho hoạt động đào tạo. Toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo được thể hiện chi tiết tại Mẫu 6, Mẫu 7 và Mẫu 8 trong **Phụ lục 4.1** của Đề án này.

5.1.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học

Trường Đại học Cần Thơ có 6 cơ sở đào tạo và nghiên cứu: Khu I có diện tích hơn 6 ha, tọa lạc tại số 411 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Khu II, là khu nhà học chính của Trường Đại học Cần Thơ, có diện tích 87 ha, tọa lạc trên đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Khu III có diện tích 0,65 ha, tọa lạc tại số 1 đường Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Khu Hòa An, tọa lạc tại Số 554, Quốc lộ 61, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang với tổng diện tích là 112.31 ha; Khu Măng Đen là một trong những cơ sở mới thuộc Trường Đại học Cần Thơ với tên gọi là Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ tọa lạc tại tiểu khu 488, thôn Măng Đen, xã Đắc Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Trại thực nghiệm Vĩnh Châu với diện tích 17,2ha tọa lạc tại Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo được Trường bố trí gồm 174 hội trường, giảng đường, phòng học các loại và phòng đa năng với tổng diện tích 26,042.4141m², cụ thể gồm: 6 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ (2,307 m²), 22 phòng học từ 100 - 200 chỗ (2,681 m²), 94 phòng học từ 50 - dưới 100 chỗ (6,803 m²), 23 phòng học dưới 50 chỗ (1,240 m²) và 29 phòng học đa phương tiện (2,066.5252 m²). Chi tiết được trình bày trong Mẫu 6, **Phụ lục 4.1**.

5.1.2 Thư viện

Trường Bách Khoa cũng như Trường Đại học Cần Thơ rất chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, Trường Đại học Cần Thơ bố trí thư viện và trung tâm học liệu (xem chi tiết ở Mẫu 7, **Phụ lục 4.1**) với tổng diện tích sàn 11,795.00m² để phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, cụ thể gồm:

- Trung tâm học liệu của Trường Đại học Cần Thơ có sức chứa 1.000 chỗ với 336 máy tính phục vụ tra cứu. Tổng số đầu sách: 311.364 sách in; 3.849 tạp chí ấn phẩm định kỳ; 225.780 tài liệu điện tử; 33 cơ sở dữ liệu; liên kết thư viện điện tử quốc tế (30) và trong nước (12).

- Thư viện của Trường Bách Khoa: là thư viện chuyên ngành với trên 9.000 đầu sách; Diện tích sử dụng 1.800 m², một trệt một lầu, trên lầu gồm 4 phòng học,

tầng trệt phòng đọc được trang bị máy lạnh với khoảng 150 chỗ ngồi cùng với 3 kho chứa sách, luận văn và những tài liệu, trang thiết bị khác. Thư viện Trường Bách Khoa được liên kết dữ liệu trực tiếp với Trung tâm học liệu, Trường Đại học Cần Thơ, bao gồm: Blackwell, Synergy, Proquest Central, Hinari, Agora, dữ liệu tiếng Việt, tiếng Anh chuyên ngành, cùng một số cơ sở dữ liệu trực tuyến khác. Thư viện có nhiệm vụ cung cấp các tài liệu chuyên ngành phù hợp hỗ trợ cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, người học Trường Đại học Cần Thơ. Hiện tại thư viện phục vụ các loại tài liệu gồm: Khoảng 16.600 bản sách chuyên ngành; khoảng 5.194 bản luận văn đại học; khoảng 49 bản luận văn cao học; khoảng 606 bản tạp chí khoa học các lĩnh vực; khoảng 43 bản đề tài nghiên cứu khoa học.

5.1.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo

Trường bố trí đầy đủ các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập cho người học, cụ thể: có 56 phòng với tổng diện tích 9,196.55m² phục vụ đào tạo các chuyên ngành. Toàn bộ các phòng học và thực hành đều được trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ và mạng Internet phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và người học (xem chi tiết ở Mẫu 8, Phụ lục 4.1)

5.2 Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Bên cạnh các cơ sở vật chất đã có sẵn như đề cập ở trên, Trường Đại học Cần Thơ đang tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới cũng như mua sắm thêm nhiều thiết bị khác để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ và người học một cách hiệu quả nhất. Nội dung này được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về “Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023”, trong đó hạng mục “Đầu tư trang thiết bị cho nhóm học phần về kiến trúc và mỹ thuật cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, kiến trúc Khoa kỹ thuật xây dựng” đã được phê duyệt với tổng kinh phí đầu tư là 1,2 tỷ đồng. Mặt khác, trường Đại học Cần Thơ cũng có kế hoạch dài hơi trong việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu nhằm đáp ứng tốt hơn điều kiện học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của SV và giảng viên ngành kiến trúc (Bảng 5.1).

Bảng 5.1 Kế hoạch đầu tư phát triển cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Năm học		2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Sách, giáo trình	89	89	100	120	140
	Tạp chí chuyên ngành	10	12	14	15	15
Cơ sở vật chất	Phòng họa thất	1				
	Phòng thực hành mỹ thuật		1			
	Phòng máy tính		1			

Năm học	2023- 2024	2024- 2025	2025- 2026	2026- 2027	2027- 2028
	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Phòng thí nghiệm vật lý kiến trúc			1		
Không gian sáng tạo kiến trúc				1	
Phòng thực tế ảo					1

PHẦN 6

ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

6.1.1. Trường Bách Khoa

Trường Bách Khoa thuộc Trường Đại học Cần Thơ có bề dày lịch sử phát triển lâu đời, có tiền thân là Khoa Cơ khí – Thủy nông được thành lập vào năm 1977. Năm 1978, Khoa Cơ khí Thủy nông được tách thành Khoa Cơ khí nông nghiệp và Khoa Thủy nông - Cải tạo đất. Đến năm 1995, Khoa Công nghệ được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 Khoa trên cùng với Trung tâm Năng lượng mới. Khoa Công nghệ tiếp nhận thêm hai Bộ môn Điện tử Viễn thông và Tự động hóa từ Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông vào năm 2008. Đến năm 2022, Trường Bách Khoa được thành lập trên cơ sở Khoa Công nghệ thông qua Nghị quyết của Hội đồng trường Đại học Cần Thơ.

Trường Bách Khoa là một trong những đơn vị lớn của trường Đại học Cần Thơ, trường Bách Khoa chịu trách nhiệm đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ, hợp tác quốc tế, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Thế mạnh của Trường là đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực Cơ khí, Kỹ thuật điện, Điện tử viễn thông, Cơ điện tử, Kỹ thuật điều khiển, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Công nghệ hoá học và Kỹ thuật vật liệu.

Trường Bách Khoa hiện đang đào tạo 13 chương trình đào tạo bậc đại học đại trà, 03 chương trình đào tạo đại học chất lượng cao, 04 chương trình đào tạo Thạc sĩ, 01 chương trình đào tạo Tiến sĩ. Số lượng SV đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh của trường Bách Khoa tăng dần hàng năm, với quy mô trung bình hằng năm khoảng 1500 SV.

Sứ mệnh của Trường Bách khoa là: Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng cao, có năng lực đáp ứng thị trường lao động trong nước và quốc tế. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển bền vững của vùng, quốc gia và khu vực Đông Nam Á. Cam kết phục vụ cộng đồng thông qua kết nối và chia sẻ nguồn lực.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Bách khoa sẽ trở thành một đơn vị uy tín và chất lượng hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và sáng tạo về kỹ thuật và công nghệ, tác động vào sự phát triển bền vững của xã hội của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Triết lý giáo dục: "Học tập tích cực và sáng tạo vì một tương lai tốt đẹp hơn"

Mục tiêu giáo dục: Đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng.

6.1.2. Khoa Kỹ thuật xây dựng

Khoa Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách Khoa, được thành lập từ năm 1996. Tiền thân là Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng (Bộ môn KTXD) trực thuộc Khoa Công nghệ, Trường Đại học Cần Thơ. Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng (thành lập năm 1996 theo QĐ số 353/ĐHCT.TCCB.96 ngày 04 tháng 10 năm 1996) với nhiệm vụ đào tạo ngành Công trình nông thôn và Thủy công đồng bằng. Đến năm 2000, ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được phép tuyển sinh khóa đầu tiên, đây cũng là tiền thân của ngành Kỹ thuật Xây dựng chính thức đổi tên và mã số vào năm 2018.

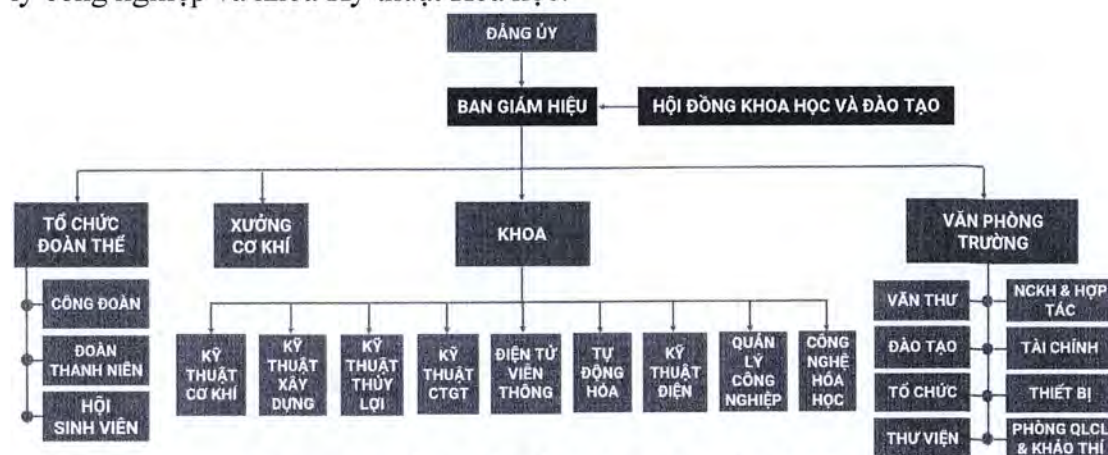
Đến năm 2022, Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng chính thức phát triển thành Khoa Kỹ thuật Xây dựng, thuộc Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ (theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 29 tháng 9 năm 2022). Khoa Kỹ thuật Xây dựng hiện đang đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng và ngành Kỹ thuật Xây dựng chất lượng cao bậc đại học. Ngoài ra, Khoa còn phối hợp tổ chức các lớp học cho hệ vừa làm vừa học tại Trường Đại học Cần Thơ và ở một số trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Khoa Kỹ thuật xây dựng được giao quản lý 03 phòng thí nghiệm (PTN) gồm: PTN Vật liệu xây dựng, PTN Vật liệu xây dựng tiên tiến và PTN Kết cấu công trình. Đội ngũ viên chức của Khoa Kỹ thuật xây dựng hiện có 16 giảng viên, 01 kỹ sư PTN. Tất cả giảng viên của Khoa đều có trình độ sau đại học trở lên. Tính đến ngày 31/12/2022, trong số 16 giảng viên cơ hữu của Khoa, có 02 phó giáo sư, 05 tiến sĩ và 09 thạc sĩ.

6.2. Cán bộ quản lý cấp trường chuyên môn, khoa

6.2.1. Trường Bách Khoa

Trường Bách Khoa là trường chuyên môn thuộc trường Đại học Cần Thơ. Cơ cấu tổ chức của trường Bách Khoa gồm Ban Giám Hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo, các khoa trực thuộc, Văn phòng Khoa, Xưởng cơ khí và các tổ chức đoàn thể (Hình 6.1). Các khoa trực thuộc TBK bao gồm: khoa Kỹ thuật Cơ khí, khoa Kỹ thuật Xây dựng, khoa Kỹ thuật Thủy lợi, khoa Kỹ thuật Công trình Giao thông, khoa Điện tử Viễn thông, khoa Tự động hóa, khoa Kỹ thuật điện, khoa Quản lý công nghiệp và khoa Kỹ thuật Hóa học.



Hình 6.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức trường Bách Khoa

Ban giám hiệu trường Bách khoa gồm có Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng, trong đó, Hiệu trưởng là đứng đầu của Trường Bách khoa, chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng trường Đại học Cần Thơ về mọi mặt hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Trường Bách khoa; thực hiện quyền hạn được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Cần Thơ và các quy định của pháp luật.

Thông tin về Ban giám hiệu trường Bách khoa được trình bày ở Mẫu 3, **Phụ lục 4.1.**

Bảng 6.1 Danh sách cán bộ quản lý Trường Bách Khoa

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Cương, 1970, Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Kỹ thuật quá trình	Phụ trách và điều phối chung; Phụ trách công tác Xây dựng chiến lược phát triển đơn vị, công tác Tài chính.
2	Trần Văn Tỷ, 1979, Phó Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	PGS, 2020, Tiến sĩ, Nhật Bản, 2011	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Phụ trách công tác đào tạo đại học, Đào tạo sau đại học; Công tác Bảo đảm chất lượng; Công tác Sinh viên.
3	Trần Thanh Hùng, 1972, Phó Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Tiến sĩ, Australia, 2008	Tự động hóa	Phụ trách công tác nghiên cứu khoa học; Công tác hợp tác trong và ngoài nước
4	Hồ Ngọc Tri Tân, 1972, Phó Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kỹ thuật xây dựng	Phụ trách Công tác An ninh, Chính trị, Đảng, Đoàn thể, Tổ chức cán bộ; Công tác Quản lý và phát triển cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường, Lao động sản xuất
5	Nguyễn Thị Thuận, 1977, Phó Chánh Văn Phòng, Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Quản lý giáo dục	Trợ lý đào tạo của ĐVĐT

6.2.2. Khoa Kỹ thuật xây dựng

Cơ cấu tổ chức khoa Kỹ thuật xây dựng gồm Ban Chủ nhiệm khoa, Ban Chủ nhiệm khoa gồm Trưởng khoa và 02 Phó trưởng khoa (**Bảng 6.2**). Bên cạnh đó, Khoa còn có 01 thư ký Trường khoa hỗ trợ các công tác của Khoa. Thông tin về Ban chủ nhiệm Khoa Kỹ thuật xây dựng được trình bày ở Mẫu 3, **Phụ lục 4.1.**

Bảng 6.2 Danh sách cán bộ quản lý Khoa Kỹ thuật Xây dựng

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Bùi Lê Anh Tuấn, 1982, Trưởng Khoa Kỹ Thuật Xây Dựng, Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	PGS, 2019, Tiến sĩ, Đài Loan, 2012	Kỹ thuật xây dựng	Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện; Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những học phần được giao trong chương trình đào tạo, phân công giảng dạy và thực hiện kế hoạch giảng dạy của khoa.
2	Trần Vũ An, 1981, Phó Trưởng Khoa Kỹ Thuật Xây Dựng, Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Tiến sĩ, Đài Loan, 2017	Kỹ thuật xây dựng	Phụ trách công tác đào tạo chương trình chất lượng cao của khoa.
3	Lê Tuấn Tú, 1982, Phó Trưởng Khoa Kỹ Thuật Xây Dựng, Trường Bách Khoa, Trường Đại học Cần Thơ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Phụ trách công tác đào tạo chung của khoa.

PHẦN 7

PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo Kiến trúc trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương án ngăn ngừa và xử lý. Dưới đây là một số rủi ro khi mở ngành Kiến trúc, trình độ đại học và triển khai tuyển sinh:

- Người học bỏ học, trễ tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT; không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; do quá bận công tác, hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.

- Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác;

- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;

- Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

7.2.1. Người học bỏ học, trễ tiến độ

Vấn đề người học bỏ học, trễ tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Cần Thơ hiện nay.

Giải pháp chung: Cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học; bảo đảm đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học. Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc người học bỏ học, học trễ tiến độ

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

Cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

Phòng Công tác sinh viên mỗi học kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học. Phương

thức này vẫn đang được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.

- Với trường hợp người học chọn lựa ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành CTĐT: Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Ngoài ra, quy chế học vụ của Trường cũng cho phép sinh viên được chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác.

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do gặp khó khăn về hoàn thành ngoại ngữ: Cố vấn học tập nhắc nhở thường xuyên về yêu cầu ngoại ngữ

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: Cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

7.2.2. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác

Nếu không có đủ giảng viên có chuyên môn để bảo đảm chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả.

Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghiên cứu khoa học cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn lực cụ thể, có chính sách thu hút giảng viên để bảo đảm có đủ lực lượng kế thừa.

7.2.3. Điều kiện nguồn lực cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời

Sự phát triển nhanh của khoa học kỹ thuật dẫn đến sự ra đời của các kỹ thuật công nghệ mới.

Phương án phòng ngừa: Trường có thể hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, nhà tài trợ để huy động nguồn lực và kinh phí cho các hoạt động đào tạo. Ngoài ra, trường cũng có thể sử dụng các phương pháp quản lý tài chính hiệu quả như sử dụng các công nghệ thông tin, tối ưu hóa quản lý chi phí để tiết kiệm chi phí.

7.2.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Kiến trúc là điều tất yếu.

Phương án phòng ngừa:

Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của trường đại học để thu hút giảng viên có trình độ cao và giúp các sinh viên cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của trường.

Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để bảo đảm việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường trung học phổ thông đặc biệt là hệ thống mạng

lưới các trường phổ thông vệ tinh vào những thời điểm quan trọng trước khi thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh.

7.2.5. Rủi ro về thị trường lao động

Những biến động khách quan như dịch Covid vừa qua, hay chủ quan do việc xác định nhu cầu xã hội chưa đúng thực tế, sự tuyển sinh ồ ạt của các trường đào tạo cùng ngành là nguyên nhân làm tăng rủi ro về thị trường lao động do cung vượt cầu.

Phương án phòng ngừa: Khảo sát định kỳ yêu cầu của nhà tuyển dụng để chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung, học phần cần thiết; tăng cường hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo, hệ thống trường mầm non quốc tế, tư thục để sinh viên có nhiều cơ hội việc làm; tăng cường khả năng kết nối đến các đơn vị tuyển dụng, phối hợp với các đơn vị để tổ chức ngày hội việc làm. Nói chung, nhà trường tích cực xúc tiến việc tìm kiếm cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp để bảo đảm nhu cầu thị trường lao động cho ngành Kiến trúc.

7.3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nếu ngành đào tạo Kiến trúc không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với một số tiêu chuẩn như đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, thực tập, hoặc kết quả đào tạo, thì nhà trường có thể bị đình chỉ ngành đào tạo này.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/ đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Kiến trúc để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học viên bảo đảm đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để BGDĐT ban hành quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

PHẦN 8 TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành: 7580101 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Đại học Cần Thơ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo)
- Hội đồng Trường;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT.



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐHCT PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN

Phụ lục 1.1: Nghị quyết...../NQ-HĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc.

Phụ lục 1.2: Biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ số/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Phụ lục 1.3: Quyết định số 836/QĐ-ĐHCT ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 7580101

Phụ lục 1.4: Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án về việc kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc.

Phụ lục 1.5: Biên bản thẩm định đề án của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

Phụ lục 1.6: Tờ trình về việc điều chỉnh đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc theo biên bản thẩm định đề án của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành

Phụ lục 1.7: Quyết định số 73/QĐ-ĐHCT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 758010.

PHỤ LỤC 2

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Phụ lục 2.1: Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030.
- Phụ lục 2.2: Báo cáo tổng hợp khảo sát chuyên gia về nhu cầu nhân lực đối với ngành đào tạo dự kiến mở (*kèm theo mẫu khảo sát*)
- Phụ lục 2.3: Phiếu tự đánh giá đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo
- Phụ lục 2.4: Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo và minh chứng
- Phụ lục 2.5: Biên bản số 3757/BB-ĐHCT-HĐKHĐT, ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, có kết luận đồng ý với đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc.
- Phụ lục 2.6: Nghị quyết 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023, ở điểm 2.1 (khoản 2, điều 1) có ghi rõ chủ trương mở mới trình độ đại học ngành Kiến trúc (mã ngành: 7580101).

PHỤ LỤC 3

HỒ SƠ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phụ lục 3.1: Quyết định số 101/QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 7580101.

Phụ lục 3.2: Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc vào ngày 13 tháng 01 năm 2023 và ngày 01 tháng 2 năm 2023.

Phụ lục 3.3: Báo cáo báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (*kèm theo mẫu phiếu khảo sát và phiếu khảo sát*)

Phụ lục 3.4: Biên bản họp ngày 04 tháng 02 năm 2023 về việc lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 7580101 (*kèm theo Hình ảnh + danh sách tham gia*).

Phụ lục 3.5: Biên bản họp của Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Phụ lục 3.6: Báo cáo tổng hợp điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc 09 tháng 02 năm 2023.

Phụ lục 3.7: Quyết định số 503/QĐ-ĐHCT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 7580101.

Phụ lục 3.8: Biên bản Họp thẩm định CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc (*kèm các phiếu thẩm định, nhận xét và hình ảnh họp hội đồng thẩm định*)

Phụ lục 3.9: Tờ trình của Hội đồng xây dựng CTĐT về việc điều chỉnh theo góp ý của hội đồng thẩm định CTĐT.

Phụ lục 3.10: Biên bản số 658/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc.

Phụ lục 3.11: Quyết định số 801/QĐ-ĐHCT ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Kiến trúc (*đính kèm chương trình đào tạo đính*).

Phụ lục 3.12: Quyết định số 1014/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023 về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học (*đính kèm bản mô tả CTĐT đại học ngành Kiến trúc*).

PHỤ LỤC 4
HỒ SƠ XÁC NHẬN CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NGÀNH ĐÀO TẠO

Phụ lục 4.1: Các bảng danh mục các điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo

Phụ lục 4.2: Lý lịch khoa học và văn bằng của giảng viên

Phụ lục 4.3: Hồ sơ minh chứng đề tài NCKH của giảng viên

Phụ lục 4.4: Hồ sơ minh chứng công bố khoa học của giảng viên

Phụ lục 4.5: Phiếu tự đánh giá hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo

PHỤ LỤC 5
HỒ SƠ XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phụ lục 5.1: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

Phụ lục 5.2: Danh mục các văn bản minh chứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo (CSĐT) theo quy định của Luật GDĐH, Nghị định 99